

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/DS-ST  
Ngày 07 - 9 - 2026  
V/v “T/c hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Văn Hồi

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Ngọc; Ông Trần Văn Chiu.

**- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 151/2026/TLST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST-DS ngày 17/8/2026, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1992.

Trú tại: Tổ dân phố H, phường Thành N, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Huyền T: Ông Phạm Tiến Đ, sinh năm 1979 (theo văn bản ủy quyền số 003425 ngày 29/6/2026 tại Văn phòng công chứng Vũ Thị V – Phường Ea K, tỉnh Đắk Lắk).

Trú tại: 349/21/23 Phạm Văn Đ, phường Tân L, tỉnh Đắk Lắk (*có mặt*).

**Bị đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1985.

Trú tại: Buôn M, xã Liên S, tỉnh Đắk Lắk (*có mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên hòa giải, đại diện cho nguyên đơn:** ông Phạm Tiến Đ, trình bày: Ngày 03/12/2025, bà Nguyễn Thị Huyền T có cho bà Lê Thị H vay số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*). Thời hạn vay là 05 ngày. Lúc vay hai bên thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật. Việc vay nợ hai bên lập giấy mượn tiền có bà Lê Thị H ký vào giấy

vay mượn tiền, sau đó bà T đã chuyển khoản cho bà H số tiền 300.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ là 08/12/2025. Do không trả được nợ như đã cam kết ban đầu, mặc dù bà T cũng đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà H mới trả được số tiền 28.800.000 đồng.

Do vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắk Lắk xem xét, giải quyết buộc bà Lê Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Huyền T toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi. Yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 03/12/2025 đến ngày 03/7/2026 là 07 tháng:  $300.000.000đ \times 0,83\% \times 7 \text{ tháng} = 17.430.000 \text{ đồng}$ . Đã nhận được 28.800.000 đồng, khấu trừ lãi 17.430.000 đồng, trừ gốc 11.370.000 đồng. Yêu cầu bà H phải trả nợ gốc là 288.630.000 đồng. Yêu cầu bà H tiếp tục trả lãi suất từ ngày 04/7/2026 cho đến khi trả hết nợ với mức lãi suất 0,83%/tháng.

**- Tại bản tự khai và quá trình hòa giải, bị đơn:** Bà Lê Thị H, trình bày: Qua yêu cầu khởi kiện của bà T là đúng, vào ngày 03/12/2025 tôi có vay bà T 300.000.000đ nợ gốc, thời hạn vay là 05 ngày, trả nợ vào ngày 08/12/2025 nhưng do làm ăn khó khăn nên cũng chưa trả được nợ cho bà T như đã thỏa thuận. Lãi suất thỏa thuận là 3.000đ/1triệu/ngày. Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, tôi đồng ý còn nợ bà T tiền gốc là 300.000.000 đồng mà không phải là 288.630.000 đồng như đại diện bà T yêu cầu. Tôi không chấp nhận trả lãi theo yêu cầu của bà T, bà T tính lãi suất như vậy nhằm trốn tránh trách nhiệm tôi đề nghị Tòa án tính theo lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày: Sau khi cho vay, bà H đã trả 03 lần bằng chuyển khoản được 28.800.000 đồng tiền nợ gốc, cụ thể: ngày 11/12/2025 trả 9.000.000 đồng; ngày 17/12/2025 trả 6.300.000 đồng; ngày 04/01/2026 trả 13.500.000 đồng, sau đó thì không trả nữa nên đã rất nhiều lần đòi nợ nhưng bà H không trả. Bà H đã trả nợ gốc được số tiền 28.800.000 đồng và còn nợ tiền gốc là 271.200.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi từ ngày 03/12/2025 đến hết ngày 04/01/2026. Yêu cầu HĐXX xem xét buộc bà H phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 271.200.000 đồng và lãi suất là 10%/năm, tính lãi từ ngày 05/01/2026 đến ngày hôm nay là 18.306.000 đồng: Tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 07/9/2026 là 289.506.000 đồng.

Tại phiên tòa bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến là không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Huyền T, đại diện cho bà T trừ nợ gốc là không đúng, vì toàn bộ số tiền tôi đã trả là tiền lãi, bà T muốn trốn tránh trách

nhiệm cho vay lãi nặng nên cho rằng đó là trả nợ gốc. Tuy nhiên, bà H thừa nhận có vay tiền bà T và hiện còn nợ bà T tiền gốc là 300.000.000 đồng và lãi suất đề nghị tính theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa bà Nguyễn Thị Huyền T với bà Lê Thị H, bà Lê Thị H có nơi cư trú tại khu vực 6 – Đắc Lắc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắc Lắc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đắc Lắc thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 03/12/2025, bà Nguyễn Thị Huyền T có cho bà Lê Thị H vay số tiền 300.000.000 đồng, hẹn đến ngày 08/12/2025 sẽ trả số tiền đã vay. Đến hạn trả nợ thì Lê Thị H đã trả được 28.800.000 đồng tiền nợ gốc, trả làm 03 lần, lần cuối cùng trả là vào ngày 04/01/2026. Bà H còn nợ tiền gốc là 271.200.000 đồng. Bà T cho rằng bà H vi phạm thời hạn trả nợ nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H phải trả số tiền nợ gốc là 271.200.000 đồng và lãi suất phát sinh 10%/năm, tính từ ngày 05/01/2026 đến ngày 07/9/2026 là 18.306.000 đồng. Tổng cộng: 289.506.000 đồng.

Bà Lê Thị H thừa nhận có ký vào giấy và mượn của bà T số tiền 300.000.000 đồng và đã trả được 28.800.000 đồng bằng 03 lần chuyển khoản. Như vậy, bà H có vay tiền của bà T còn nợ tiền vay của bà T là đúng thực tế. Bà H cho rằng bà T cho vay với lãi suất 3000đ/1 triệu/tháng là vi phạm pháp luật về cho vay lãi nặng. Tuy nhiên, thời hạn cho vay từ ngày 03/12/2025 đến ngày 08/12/2025 là 05 ngày, đến ngày 11/12/2025 bà H bắt đầu chuyển trả tiền bằng chuyển khoản với số tiền là 9.000.000 đồng, ngày 17/12/2025 trả tiếp 6.300.000 đồng, ngày 04/01/2026 trả thêm 13.500.000 đồng và được bà T thừa nhận là đã nhận được số tiền này nhưng trong nội dung chuyển khoản không ghi rõ là trả tiền nợ gốc hay trả lãi, các bên cũng không có thỏa thuận khác bằng văn bản, do vậy ý kiến của bà H cho rằng đó là trả lãi là không có căn cứ. Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng không tính lãi từ ngày vay đến ngày 04/01/2026, đã trả

được nợ gốc là 28.800.000 đồng, sau khi quá hạn bà H mới trả tiền nên xác định đó là tiền nợ gốc là phù hợp. Xét yêu cầu khởi kiện bà T là hoàn toàn có căn cứ nên cần được HĐXX chấp nhận. Buộc bà Lê Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Huyền T số tiền nợ gốc 271.200.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất: Trong giấy mượn tiền không ghi lãi suất, đại diện cho bà T cho rằng có thỏa thuận lãi suất theo mức 10%/năm (0,83%/tháng), bà H cho rằng thỏa thuận lãi suất 3000đ/1triệu/ngày nhưng đều không ghi trong giấy mượn tiền, thời hạn vay chỉ có 05 ngày, HĐXX thấy rằng trong giấy mượn tiền, chỉ ghi số tiền mượn, thời hạn trả nợ nhưng không ghi mức lãi suất cụ thể, các bên đều thống nhất là có tính lãi nhưng không thống nhất tính mức cụ thể. Như vậy xác định đây là hợp đồng vay tài sản và có tính lãi suất. trong giấy mượn tiền hẹn ngày trả nợ là 08/12/2025 đến nay đã quá hạn, xác định bà H đã vi phạm hợp đồng nên bà T yêu cầu tính lãi suất 10%/năm là phù hợp với khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận, buộc bà H phải trả cho bà T tiền lãi suất tạm tính từ ngày 05/01/2026 đến hết ngày xét xử sơ thẩm (07/9/2026) với số tiền lãi là 18.306.000 đồng là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên buộc bà Lê Thị H phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm có giá ngạch là (289.506.000đ x 5%) 14.475.300 đồng. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà T là phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; 147; 157; 241; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; 466; 468; 470 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Huyền T, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, đối với bị đơn bà Lê Thị H.

1. Buộc bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Huyền T tổng số tiền nợ gốc và lãi suất tính đến ngày 07/9/2026 là 289.506.000 đồng (*Hai trăm tám mươi chín triệu năm trăm lẻ sáu nghìn đồng*). Trong đó nợ gốc là 271.200.000

đồng; lãi suất tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 18.306.000 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Thị H phải chịu 14.475.000 đồng (Mười bốn triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) (làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Đắk Lắk.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Huyền T số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Đắk Lắk theo biên lai số 0000183 ngày 03/7/2026.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 6 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Chu Văn Hồi**